

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hợp tác xã là tổ chức kinh tế đã có từ lâu trong lịch sử phát triển kinh tế của nhân loại. Liên kết hợp tác để phát triển sản xuất kinh doanh là yêu cầu tất yếu, là hiện tượng kinh tế khách quan và ngày càng có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của các quốc gia, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trên thế giới, hợp tác xã đã trở thành phong trào mạnh mẽ có quy mô toàn cầu (năm 1895, Liên minh Hợp tác xã quốc tế được thành lập). Nhiều liên minh hợp tác xã ngành, nghề khác nhau có phạm vi toàn cầu, hoạt động liên tục cho đến ngày nay, có nhiều chi nhánh trên thế giới và có tiếng nói quan trọng trong Liên hợp quốc.

Ở nước ta, trước thời kỳ Đổi mới, trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, hợp tác xã (kiểu cũ) phát triển theo mô hình tập thể hóa với tư tưởng bao trùm là một mặt tuyệt đối hóa vai trò tập thể, sở hữu tập thể và sản xuất tập thể, hầu như phủ định vai trò kinh tế hộ và kinh tế cá thể, phủ định sở hữu cá thể. Tuy có những đóng góp nhất định, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ, song xét về mặt kinh tế thì mô hình hợp tác xã thời kỳ này còn nhiều khuyết tật.

Chuyển sang cơ chế thị trường, hệ thống hợp tác xã (kiểu cũ) không còn phù hợp, một số hợp tác xã lâm vào tình trạng tan rã, số còn lại hoạt động hình thức, đồng thời xuất hiện một số hợp tác xã (kiểu mới) làm ăn hiệu quả, phát triển đa dạng cả về nội dung, hình thức và ngành, nghề hoạt động, tập hợp những người sản xuất nhỏ tạo thành sức mạnh để có thể tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh của kinh tế thị trường; thực hiện tốt các chức năng vừa giúp đỡ các thành viên phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, vừa tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đến nay, mặc dù đạt được những tiến bộ quan trọng nhưng việc phát triển hợp tác xã ở nước ta vẫn còn rất nhiều khó khăn, hợp tác xã chưa

bớt ra khỏi những yếu kém kéo dài, năng lực nội tại hạn chế, số hợp tác xã làm ăn có hiệu quả còn ít, lợi ích đem lại cho thành viên chưa nhiều, tốc độ tăng trưởng thấp, chiếm tỷ trọng trong GDP thấp và có xu hướng giảm liên tục trong suốt 15 năm qua, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò "cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa"; đóng góp chưa nhiều vào sự phát triển bền vững của quá trình công nghiệp hóa đất nước, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh đó, việc phát triển hợp tác xã ở Việt Nam còn nhiều ý kiến khác nhau, lý luận về hợp tác xã trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam, đặt trong bối cảnh công nghiệp hóa còn nhiều điểm chưa rõ.

Vấn đề cấp thiết đặt ra là phải nghiên cứu, tổng kết, đánh giá một cách hệ thống và toàn diện quá trình phát triển hợp tác xã ở nước ta và quốc tế, từ đó một mặt rút ra được kinh nghiệm thành công và chưa thành công trong quá trình phát triển hợp tác xã ở nước ta; mặt khác nhận thức đầy đủ và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quốc tế trong quá trình phát triển hợp tác xã, phát huy vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế xã hội góp phần quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa đất nước.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài "**Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam**".

2. Tình hình nghiên cứu hiện nay

Phát triển hợp tác xã là vấn đề lớn, luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng. Hợp tác xã cũng được các nhà lý luận kinh điển, Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều nhà hoạch định chiến lược, nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Về chủ đề này có một số nghiên cứu điển hình: "*Sở hữu tập thể và kinh tế tập thể - vị trí và vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*" Báo cáo tổng hợp đề tài KX.01.03, Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.01, TS. Chủ Văn Lâm làm chủ nhiệm đề tài; "*Kinh tế hợp tác trong*

nền kinh tế thị trường ở Việt Nam" Luận án tiến sĩ kinh tế, Nguyễn Thanh Hà; "*Phương hướng và giải pháp kinh tế chủ yếu để phát triển các hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp Việt Nam*" Luận án phó tiến sĩ khoa học kinh tế, Nguyễn Thái Nguyên; "*Đổi mới kinh tế tập thể giai đoạn 2002 - 2007*", Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009. Có thể khái quát những kết quả nghiên cứu chủ yếu sau đây:

- Phát triển hợp tác xã là nhu cầu kinh tế khách quan, gắn với quá trình xã hội hóa và phát triển lực lượng sản xuất.

- Hợp tác xã phát triển đúng quy luật sẽ có tác dụng to lớn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống, góp phần phát triển nền kinh tế đất nước.

- Hợp tác xã không đồng nhất với tập thể hóa, không làm triệt tiêu vai trò tự chủ sản xuất, kinh doanh của các thành viên.

- Tính chất và mục tiêu của hợp tác xã mang bản chất xã hội chủ nghĩa. Nó không vì lợi nhuận tối đa, mà vì sự hỗ trợ, giúp đỡ giữa các thành viên trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa, hợp tác xã phát triển mạnh, tuy nhiên do bị quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối nên nó vẫn là loại hình kinh tế phụ trợ (tổ chức trung gian).

- Hợp tác xã ở nước ta cần được đổi mới phù hợp với quá trình công nghiệp hóa đất nước. Phát triển hợp tác xã cần kế thừa kinh nghiệm phong trào hợp tác xã trên thế giới, đồng thời phải xuất phát từ tiền đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của Việt Nam.

Cho đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào có nội dung trùng với đề tài luận án "*Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa để năm 2020 ở Việt Nam*".

3. Mục đích và ý nghĩa nghiên cứu

Làm rõ tính tất yếu, vai trò của hợp tác xã, trên cơ sở phát triển hợp tác xã ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam trong những năm vừa

qua. Từ đó đưa ra định hướng phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa giai đoạn đến năm 2020 ở Việt Nam, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, hữu hiệu để thúc đẩy hợp tác xã ở Việt Nam phát triển bền vững, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa đất nước.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn đối với việc phát triển hợp tác xã ở Việt Nam, cung cấp tài liệu tham khảo cho việc hoạch định chính sách phát triển hợp tác xã ở Việt Nam và phục vụ cho công tác giảng dạy về hợp tác xã ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Hợp tác xã trong các lĩnh vực ngành nghề (bao gồm hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã phi nông nghiệp).

- Phạm vi nghiên cứu: Trên phạm vi toàn quốc từ 1954 đến năm 2009 (trong đó phân tích sâu về hợp tác xã giai đoạn từ sau đổi mới đến 2009).

5. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án

Để làm rõ tính tất yếu, vai trò của hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa, luận án sử dụng phương pháp luận duy vật lịch sử và phương pháp luận duy vật biện chứng. Đặt đối tượng nghiên cứu trong mối quan hệ tác động qua lại với các yếu tố có ảnh hưởng tới sự hình thành, phát triển của hợp tác xã. Luận án đã tiếp cận một cách tổng thể mối quan hệ giữa các yếu tố và đưa ra các giải pháp nhằm giải quyết hài hòa các mối quan hệ này. Trong đó đặc biệt chú trọng tới mối quan hệ giữa nhà nước và hợp tác xã.

Mặt khác, để làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển hợp tác xã ở Việt Nam, luận án còn sử dụng các phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp và phân tích so sánh. Sử dụng hệ thống sơ đồ, bảng biểu để phân tích đánh giá và so sánh sự phát triển của hợp tác xã trên cả nước qua các giai đoạn...từ đó khái quát, rút ra những vấn đề lý luận.

Quá trình nghiên cứu được tiến hành dựa trên việc kế thừa và vận dụng tư tưởng của các nhà lý luận trong nước và quốc tế cũng như kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của các nước trên thế giới.

6. Những đóng góp mới của luận án

- Xác định rõ tính tất yếu khách quan của việc phát triển mô hình hợp tác xã trên thế giới trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa phân công và hợp tác; bản chất, giá trị và các nguyên tắc hình thành hợp tác xã; tình hình và quan điểm của các nước có sự phát triển lâu đời các hợp tác xã; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về kinh tế hợp tác xã. Từ đó khẳng định hợp tác xã có vai trò rất quan trọng đối với quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam.

- Tổng kết và phân tích sâu sắc thực trạng phát triển kinh tế hợp tác xã ở nước ta qua các giai đoạn trước, sau đổi mới và hiện nay; đi sâu làm rõ tình hình triển khai thực hiện và những vấn đề tồn tại về chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã; nêu ra các nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong phát triển kinh tế hợp tác xã.

- Đề xuất có cơ sở và khả thi về định hướng và giải pháp phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam; đặc biệt là các kiến nghị về mô hình tổ chức hợp tác xã; các giải pháp cấp bách; các giải pháp lâu dài; kiến nghị cụ thể với các cơ quan Trung ương và các địa phương.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và danh mục Tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển hợp tác xã.

Chương 2: Thực trạng phát triển hợp tác xã ở Việt Nam trong thời gian vừa qua.

Chương 3: Định hướng và giải pháp phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam.

Chương 1 **CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ**

1.1. Cơ sở lý luận chung về hợp tác xã

1.1.1. Khái lược về sự hình thành và phát triển của hợp tác xã

Xuất phát từ vai trò to lớn của phân công lao động xã hội đối với lịch sử kinh tế nói chung, với lịch sử hợp tác hóa nói riêng, luận án đã phân tích các cuộc đại phân công lao động xã hội và chỉ ra các nhân tố then chốt ảnh hưởng đến quá trình phân công lao động xã hội.

Từ các cách tiếp cận khác nhau, dưới cách nhìn hệ thống, luận án đã cho thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa phân công lao động và hợp tác hóa. Luận án quan niệm phân công lao động xã hội là quá trình tách nền sản xuất xã hội thành những ngành, phân ngành khu vực,... để rồi kết hợp chúng lại theo một cách thức mới, một trật tự mới phù hợp với trình độ khai thác các nguồn lực và nhu cầu xã hội ở từng giai đoạn cụ thể. Phân công là đòi hỏi tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất, hợp tác là logic khách quan của phân công. Phân công phát triển sẽ tạo điều kiện để mở rộng và nâng cao chất lượng của quá trình hợp tác. Ngược lại, sự hợp tác tốt sẽ tạo môi trường cho các hình thức phân công phát triển ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao.

Sự tất yếu của hợp tác bắt nguồn từ sự phân công và mối quan hệ biện chứng giữa phân công và hợp tác như vậy chỉ diễn ra theo những quy luật khách quan. Con người có thể nhận thức chúng để định hướng cho các hoạt động của mình nhưng không thể bất chấp quy luật để đốt cháy giai đoạn, đốt cháy các tiền đề nội sinh của sự hợp tác và phân công. Mọi sự nóng vội, đốt cháy giai đoạn không có tác dụng rút ngắn con đường tới phồn vinh mà ngược lại, kéo dài thêm quãng đường thai nghén, càng lâu hơn để đi đến mục tiêu cuối cùng.

1.1.2. Khái niệm, bản chất, giá trị và các nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã

Xuất phát từ định nghĩa của Liên minh hợp tác xã quốc tế về hợp tác xã "*Hợp tác xã là hiệp hội tự chủ của các cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ*", luận án đã rút ra hạt nhân bản chất của hợp tác xã là *đồng sở hữu, đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã hoặc đồng là người lao động trong hợp tác xã*. Trên cơ sở đó, luận án đã nghiên cứu một số vấn đề liên quan đến bản chất và mô hình hợp tác xã.

Luận án đã nêu lên sáu giá trị của hợp tác xã bao gồm: *Tự giúp đỡ; tự chịu trách nhiệm; dân chủ; công bằng; bình đẳng; đoàn kết*.

Và đề cập tới bảy nguyên tắc của hợp tác xã là: *Tham gia tự nguyện và mở; Kiểm soát một cách dân chủ bởi các thành viên; Tham gia kinh tế của thành viên hợp tác xã; Tự chủ và độc lập; Giáo dục, huấn luyện và thông tin; Hợp tác giữa các hợp tác xã; Chăm lo cho cộng đồng*.

Trên cơ sở việc phân tích các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã, luận án đã chỉ ra rằng giá trị và nguyên tắc là một thể thống nhất, không tự nhiên sinh ra như là một sản phẩm duy ý chí mang tính chủ quan của con người, mà nó dựa trên bản chất của hợp tác xã. Chỉ trên cơ sở bản chất đó mà các giá trị và nguyên tắc mang tính cao đẹp và nhân bản của hợp tác xã được hiện thực hóa, từ đó làm hợp tác xã thực sự hấp dẫn xã viên và nhân dân, làm cho phong trào hợp tác xã có sức lan tỏa trên phạm vi trên thế giới thành một phong trào quốc tế sâu, rộng và liên tục kể từ khi ra đời.

1.2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về hợp tác xã

1.2.1. Quan điểm của Mác - Lênin về hợp tác xã

Luận án đã khẳng định tư tưởng về hợp tác xã và mô hình hợp tác xã có ý nghĩa lý luận rất quan trọng của chủ nghĩa Mác- Lênin đó là:

- Hợp tác xã là biểu tượng sinh động của mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.

- Hợp tác xã là biểu tượng sinh động của mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng xã viên.

- Hợp tác xã là biểu tượng sinh động của mối quan hệ giữa bản chất và hiện tượng, giữa nội dung và hình thức.

1.2.2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về hợp tác xã

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đầu tiên, nghiên cứu lý luận và kinh nghiệm quốc tế về hợp tác xã và truyền bá vào nước ta. Hồ Chí Minh đã nhận thức rất rõ ràng về vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội và đã đề cập trong tác phẩm "Đường cách mệnh" viết vào năm 1927.

Trên cơ sở phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mục đích, vai trò, nguyên tắc tổ chức hợp tác xã, luận án đã rút ra một số vấn đề lớn từ Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với hợp tác xã:

- Sự ra đời của hợp tác xã như là quá trình phát triển lịch sử, tự nhiên và khởi đầu từ nhu cầu thực tế.

- Hợp tác xã chứa đựng những tiềm năng của chủ nghĩa xã hội.

- Hợp tác xã là quá trình thực hiện một mối liên kết, tương tác, đoàn kết với nhau.

- Đa dạng hóa các hình thức hoạt động của hợp tác xã, vừa độc lập, tự chủ, vừa liên thông hợp tác xã.

- Hợp tác xã là một tổ chức tự nguyện, bình đẳng và dân chủ.

1.2.3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về hợp tác xã

Đảng cộng sản Việt Nam kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh rõ nét trong việc xác định ngày càng rõ hơn mô hình pháp lý hợp tác xã và ý nghĩa chính trị, cũng như tầm vóc quan trọng của kinh tế tập thể đối với sự nghiệp phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa ở nước ta. Căn cứ vào các nghị quyết, luận án đã tóm tắt thành ba quan điểm chủ yếu của Đảng về hợp tác xã là:

- Hợp tác xã phải bảo đảm đem lại lợi ích cho xã viên, phải là tổ chức kinh tế của nhân dân theo tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế và cải thiện đời sống của cộng đồng xã viên.

- Phát triển hợp tác xã phải dựa trên nền tảng phát triển kinh tế hộ, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Cần đặc biệt học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển hợp tác xã với bề dày gần 200 năm có tính tới điều kiện cụ thể của Việt Nam và trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở các nước

Trong phần này, luận án đã đưa ra quan điểm chung của các nước trên thế giới về hợp tác xã trên cơ sở Tuyên ngôn quốc tế về bản sắc hợp tác xã và quan điểm của ILO một cơ quan chuyên trách của Liên hợp quốc trong lĩnh vực việc làm và quyền lợi của người lao động nhằm khẳng định một lần nữa những giá trị cao đẹp và các nguyên tắc cơ bản của hợp tác xã.

Luận án cũng khái quát quá trình phát triển, các chính sách cũng như quan điểm về hợp tác xã tại các nước: Mỹ, Nhật Bản và thực tiễn phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia như Ấn Độ, Thái Lan, Malaixia... từ đó rút ra kinh nghiệm cho định hướng phát triển hợp tác xã ở Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa giai đoạn đến năm 2020.

Tiểu kết chương 1

Cơ sở lý luận của phát triển hợp tác xã chính là tư tưởng hợp tác xã đã được hình thành cùng với quá trình phát triển gần 200 năm qua trên thế giới. Hợp tác xã thực sự là một tổ chức tự nguyện của xã viên, dựa trên nền tảng xã viên, kinh tế xã viên, một mặt khuyến khích hợp tác giữa xã viên theo tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau cùng phát triển, mặt

khác tôn trọng xã viên, phát huy cao vai trò cá nhân của xã viên, kinh tế xã viên hợp tác xã. Vì vậy, việc nghiên cứu lý luận về hợp tác xã, kinh nghiệm quốc tế về phát triển hợp tác xã và nghiên cứu thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta là rất cần thiết. Công tác nghiên cứu về hợp tác xã cho đến nay chủ yếu phục vụ cho công việc cấp bách và còn phân tán, thiếu chiều sâu và chuyên trách, thiếu tính hệ thống, thiếu sự cập nhật và nhất là chưa tiếp cận được tốt trình độ quốc tế. Nhận thức về bản chất và mô hình pháp lý hợp tác xã là chưa đáp ứng đúng nguyện vọng và lợi ích của nhân dân, tổ chức và chưa thống nhất trong xã hội. Qua thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta, nổi lên hiện tượng phổ biến là: nhận thức của nhiều người về bản chất hợp tác xã chưa rõ ràng, chưa thống nhất, thậm chí lệch lạc, khi cho rằng hợp tác xã là một số cá nhân, góp vốn để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường kết hợp với một số nguyên tắc hợp tác xã như tham gia tự nguyện, quản lý dân chủ... Quan niệm về hợp tác xã như vậy thực chất là mang tính chủ quan duy ý chí, áp đặt, mà suy cho cùng là sự quay trở về mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong thời kỳ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, sẽ làm cho hợp tác xã trở nên hình thức, phát triển không bền vững. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến kết quả cuối cùng là hợp tác xã chưa thể phát triển hiệu quả, nhân dân chưa hưởng ứng. Vì vậy, để thúc đẩy hợp tác xã ở Việt Nam phát triển một cách vững chắc trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020, một trong những vấn đề quan trọng là phải nâng cao công tác lý luận về hợp tác xã, mà trước hết phải chấn chỉnh lại nhận thức về bản chất và mô hình hợp tác xã và cần phải nghiên cứu một cách hệ thống để nhận thức đúng, đầy đủ và toàn diện về hợp tác xã.

Một khi nhận thức đúng và thống nhất về bản chất, mô hình hợp tác xã thì mới tạo được khung khổ pháp luật, chính sách đúng, tạo động lực cho xã viên, làm rõ lợi ích và lợi thế của hợp tác xã, từ đó tạo ra động lực thúc đẩy nhân dân, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tự giác thành lập hợp tác xã.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN VỪA QUA

2.1. Khái quát quá trình phát triển hợp tác xã ở Việt Nam

2.1.1. Thời kỳ trước đổi mới (trước năm 1986)

Phân tích dựa trên bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những năm đầu trong quá trình tái thiết đất nước, luận án đã đưa ra một số đóng góp tích cực mà phong trào hợp tác xã mang lại đó là: Khu vực hợp tác xã đã huy động cao các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mỹ; cải thiện một bước đời sống, bộ mặt của nông thôn, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất; đóng góp to lớn về người và vật chất phục vụ cho tiền tuyến. Bên cạnh đó, luận án cũng dành sự phân tích thích đáng mặt tiêu cực tình trạng bé tắc, không có lối ra của tiến trình hợp tác hóa lúc bấy giờ như: nhận thức không đúng về hợp tác xã; chưa thực sự quán triệt đầy đủ các nguyên tắc xây dựng và phát triển hợp tác xã; không phát huy được động lực gia nhập hợp tác xã của xã viên, nhất là các lợi ích kinh tế; tổ chức hợp tác xã vừa như cơ quan nhà nước vừa là tổ chức xã hội...

Luận án đã nêu ra nguyên nhân tổng quát của những hạn chế này chủ yếu là do thời kỳ đó nền kinh tế của nước ta vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung với các nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội; chưa tôn trọng các quy luật kinh tế; chưa chú ý đúng mức vai trò của lực lượng sản xuất, đề cao duy ý chí quan hệ sản xuất; hệ thống chính sách và tổ chức chỉ đạo thực hiện mang nặng tính hành chính, mệnh lệnh, v.v...

2.1.2. Thời kỳ sau đổi mới (từ 1986 đến trước khi có luật Hợp tác xã 2003)

Thời kỳ này được tiếp cận thông qua 2 giai đoạn: giai đoạn 1986 - 1996 và giai đoạn 1996 - trước khi có Luật hợp tác xã năm 2003.

Giai đoạn 1986 - 1996 là giai đoạn trước khi có Luật hợp tác xã 1996. Trong giai đoạn này, luận án phân tích sự tác động của Chỉ thị 100 CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã và một số nghị quyết, chỉ thị khác của Bộ chính trị. Từ đó, phát hiện ra những đặc điểm cơ bản về phát triển hợp tác xã ở Việt Nam trong thời kỳ này là: Giải phóng kinh tế xã viên, chuyển kinh tế xã viên thành chủ thể kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đi đôi với sự ngưng trệ, thoái trào của hợp tác xã.

Giai đoạn từ 1996 - trước khi có Luật hợp tác xã 2003 là giai đoạn luật Hợp tác xã 1996 chính thức có hiệu lực. Luận án đã nêu lên những tác động tích cực của việc ra đời Luật hợp tác xã đối với sự phát triển của hợp tác xã. Trong giai đoạn này, các hợp tác xã đã đạt được một số kết quả bước đầu trên các mặt chủ yếu về cơ chế tổ chức, quản lý và nội dung hoạt động; hợp tác xã đã dần thích ứng với cơ chế thị trường; đặc biệt, một số hợp tác xã đã cố gắng bước đầu hướng dẫn, tổ chức xã viên sản xuất, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn; tăng cường mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động dịch vụ cung cấp cho kinh tế xã viên; cùng với chính quyền địa phương xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đặc biệt xây dựng hệ thống điện, thủy lợi, giao thông nông thôn; góp phần cải thiện đời sống cộng đồng trong hợp tác xã. Bên cạnh đó, luận án cũng nêu lên những mặt hạn chế của hợp tác xã trong thời kỳ này là sự chuyển đổi của nhiều hợp tác xã cũ còn mang tính hình thức; hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã còn thấp, nhất là hoạt động cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh và đời sống cho xã viên hợp tác xã; sự phát triển hợp tác xã và kinh tế hợp tác ở nhiều vùng chưa được khuyến khích.

2.1.3. Sự khác nhau của hợp tác xã trước, sau đổi mới và ý nghĩa của việc ban hành Luật hợp tác xã

Hợp tác xã kiểu cũ được thiết lập trong nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp do đó cơ sở hình thành hợp tác xã là tập thể hóa tư liệu sản

xuất, tập thể hóa lao động, tập thể hóa toàn bộ mọi hoạt động kinh tế, xóa bỏ kinh tế tự chủ của xã viên, biến xã viên thành kẻ làm thuê, làm công, bình công qua hình thức công điểm của hợp tác xã. Ngược lại, hợp tác xã kiểu mới được thiết lập trong nền kinh tế thị trường, thừa nhận kinh tế đa thành phần do đó hợp tác xã là hình thức hợp tác về kinh tế của các xã viên, dựa trên lợi ích của kinh tế xã viên trên cơ sở tự nguyện của các chủ thể kinh tế tự chủ.

Luật hợp tác xã đã tạo ra động lực và sức sống mới cho khu vực kinh tế hợp tác xã. Các hợp tác xã cũ chuyển đổi dần được hồi phục, bên cạnh đó đã thành lập hàng nghìn hợp tác xã mới trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, những hợp tác xã này tuy còn nhỏ về quy mô vốn, số lượng xã viên... nhưng đã tạo ra những mô hình hợp tác xã mới, đích thực, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các hoạt động của mình, có động lực và sức sống trong điều kiện mới.

2.2. Thực trạng phát triển hợp tác xã sau khi có Luật hợp tác xã 2003

Trên cơ sở các báo cáo và khảo sát thực tế, luận án đã tổng hợp lại những kết quả đạt được sau khi trải qua một quá trình phát triển lâu dài của kinh tế hợp tác xã thể hiện trên các mặt: số lượng hợp tác xã; tỉ trọng tăng trưởng và đóng góp vào GDP; vốn, tài sản của hợp tác xã; doanh thu hợp tác xã; xã viên và lao động hợp tác xã; doanh thu và lợi nhuận bình quân của xã viên, lao động hợp tác xã. Cụ thể, hợp tác xã phát triển tích cực cả về quy mô, số lượng và chất lượng. Tính đến cuối năm 2008, cả nước có khoảng 14.500 hợp tác xã đang hoạt động. Các hợp tác xã tập trung chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng với 5.059 hợp tác xã (chiếm 34,9%), Bắc Trung Bộ có 2.754 hợp tác xã (chiếm 19%), Đông Bắc Bộ có 2.628 hợp tác xã (chiếm 18,1%), Đồng bằng sông Cửu Long có 1.146 hợp tác xã, (chiếm 7,9%); vùng duyên hải Nam Trung Bộ có 985 hợp tác xã, chiếm 6,8%; Đông Nam Bộ có 834 hợp tác xã (chiếm 5,8%), 2 vùng thấp nhất là Tây Bắc với 604 hợp tác xã (chiếm 4,2%) và Tây Nguyên với 490 hợp tác xã, chiếm 3,4%. Tổng số xã viên hợp tác xã khoảng 7,5

triệu người, trong đó gần 2,5 triệu người là xã viên cá nhân, 5 triệu người là xã viên đại diện hộ. Tổng vốn điều lệ của các hợp tác xã khoảng 13.000 tỷ đồng và tổng tài sản khoảng 34.500 tỷ đồng. Tổng doanh thu và thu nhập khác của hợp tác xã cả nước đạt 28.404 tỷ đồng, tính bình quân khoảng 1.958 triệu đồng/hợp tác xã.

Qua phân phân tích, đánh giá thực trạng, luận án đã đưa ra một bức tranh tổng quát về kinh tế hợp tác xã trong giai đoạn hiện nay.

2.3. Đánh giá những thành tựu, nguyên nhân tồn tại và những vấn đề đặt ra cho phát triển hợp tác xã ở nước ta trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập

Kinh tế tập thể ở nước ta đến nay đã đạt được nhiều thành tựu có ý nghĩa, thể hiện ngày càng rõ hơn vai trò quan trọng về các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường, góp phần tăng cường tinh thần hợp tác và đoàn kết cộng đồng, hiện thực hóa các giá trị đạo đức cao đẹp và nguyên tắc dân chủ, bình đẳng; góp phần tăng thu nhập và tạo việc làm cho thành viên và người lao động, cung cấp dịch vụ xã hội. Tuy nhiên, kinh tế tập thể vẫn còn có những mặt tồn tại nổi bật như sự thành lập và hoạt động của các hợp tác xã chưa thực sự tuân thủ đầy đủ các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã, tốc độ tăng trưởng của kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã không những thấp mà còn có xu hướng giảm xuống; tiềm lực của hợp tác xã còn yếu và hiệu quả hoạt động còn thấp... Nguyên nhân chính là, chưa có nhận thức đúng và thống nhất về bản chất hợp tác xã dẫn đến chưa làm rõ động lực phát triển của hợp tác xã và lợi ích của hợp tác xã đối với xã viên. Vì vậy, trong thời gian tới, chúng ta cần phải xây dựng mô hình hợp tác xã đáp ứng được lợi ích thiết thực của xã viên, đảm bảo cho xã viên là người chủ thực sự của hợp tác xã. Mặt khác, cần quan tâm đúng mức công tác nghiên cứu lý luận về hợp tác xã, lý luận cũng như học tập kinh nghiệm quốc tế về hợp tác xã và phát triển hợp tác xã trong gần 200 năm qua để đảm bảo công tác nghiên cứu lý luận, cơ chế, chính

sách về hợp tác xã một cách có hệ thống và khoa học, đáp ứng đúng lợi ích của nhân dân, xã viên.

Tiểu kết chương 2

Cùng với công cuộc đấu tranh giải phóng và xây dựng, bảo vệ tổ quốc, đã có những lúc hợp tác xã ở nước ta phát triển mạnh mẽ là nền tảng quan trọng cho thắng lợi của cuộc chiến tranh thống nhất đất nước; có lúc lại trì trệ, không phát triển do những sai lầm về mặt nhận thức, về cách thức tổ chức hoạt động hợp tác xã. Hệ quả là, bản thân hợp tác xã không phát huy được lợi thế đích thực của mình trong phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời nền kinh tế đất nước mất đi một nguồn tăng trưởng và thúc đẩy hiệu quả.

Nhìn lại toàn bộ quá trình phát triển của hợp tác xã có thể thấy rằng vai trò, vị trí của hợp tác xã đã được Đảng và Nhà nước xác định là thành phần kinh tế quan trọng cùng với thành phần kinh tế nhà nước dần trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trên thực tế vai trò, vị trí của khu vực này còn bị lu mờ và khu vực hợp tác xã vẫn chưa thực sự khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hợp tác xã sẽ khẳng định được vai trò, vị trí của mình khi nó thực sự phát huy được sức mạnh tập thể, sự cố kết của từng thành viên tham gia và thực sự mạnh dạn tham gia cạnh tranh và hợp tác với nhau và hợp tác chặt chẽ với các loại hình doanh nghiệp khác, thực sự lấy hiệu quả hoạt động làm cơ sở để tồn tại và phát triển. Cho đến nay, chúng ta có thể khẳng định hợp tác xã (kiểu mới) là một bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế quốc dân, có vai trò to lớn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội đối với quá trình công nghiệp hóa ở nước ta

Công cuộc đổi mới vẫn tiếp tục, chúng ta vẫn đang phải đối mặt với các khó khăn, thách thức mới. Qua việc nghiên cứu thực trạng và các cơ chế chính sách đối với hợp tác xã, chúng ta cần tổng kết và rút ra các bài học để đưa hợp tác xã kiểu mới thực sự là tổ chức kinh tế hoạt động hiệu

quả mang lại lợi ích thiết thực cho dân cho nước. Trong đó bài học: đổi mới phù hợp lợi ích của nhân dân (trong trường hợp này là đông đảo nông dân, hộ kinh tế cá thể, tiểu chủ và các doanh nghiệp) thì thúc đẩy phát triển; cải cách mà đi ngược và không phù hợp với lợi ích của nhân dân thì nhất định đi đến thất bại; phải khơi dậy tính tự chủ, tự lực của dân trên cơ sở lợi ích chính đáng của dân thì phát triển, dựa dẫm bao cấp nhà nước chỉ dẫn đến thui chột tính tự chủ và năng động sáng tạo của người dân.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA ĐẾN NĂM 2020 Ở VIỆT NAM

3.1. Quan điểm, định hướng phát triển hợp tác xã đến năm 2020

3.1.1. Những thách thức toàn cầu và triển vọng phát triển hợp tác xã

Trong thế kỷ 21, với tư cách là một hình thái tổ chức giúp con người và các tổ chức thành viên của mình vượt qua được các biến động mạnh mẽ và nhanh chóng, các hợp tác xã buộc phải đối mặt với các thách thức. Trong phần này, luận án đã đưa ra và phân tích kỹ các thách thức như thách thức về chính trị, về địa dân số, về kinh tế, xã hội, về môi trường sinh thái, khoa học công nghệ... để định hướng sự phát triển của hợp tác xã ở Việt Nam trong tương lai.

3.1.2. Mục tiêu, quan điểm tiếp cận và định hướng phát triển hợp tác xã

Mục tiêu chiến lược của phát triển hợp tác xã là góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước một cách toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội.

Đảng ta đã khẳng định chủ trương chiến lược xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo đó, hợp tác xã là thể chế thích hợp kết hợp hài hòa các mặt đối lập của nhiều quan hệ xã hội cơ

bản trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, như: sở hữu - sử dụng, người chủ - người làm thuê, cá nhân - tập thể, thành viên - cộng đồng, Nhà nước - thị trường, cạnh tranh - hợp tác, v.v., làm cho các mặt quan hệ này không trở nên đối kháng lẫn nhau, loại trừ lẫn nhau, mà trái lại hỗ trợ lẫn nhau, nương tựa lẫn nhau thúc đẩy phát triển; góp phần không thể thiếu được trong định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đây là cơ sở lý luận vững chắc chứng minh tính đúng đắn cho chủ trương lớn của Đảng đưa kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã cùng kinh tế nhà nước dần dần trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

3.2. Lựa chọn mô hình phát triển

Trên cơ sở phân tích các vấn đề lý luận, thực trạng phát triển hợp tác xã ở chương 1, 2 và phân tích những thách thức, triển vọng và định hướng phát triển hợp tác xã ở nước ta, luận án đưa ra mô hình phát triển hợp tác xã ở Việt Nam như sau:

3.2.1. Xây dựng mô hình hợp tác xã cấp cơ sở

** Mô hình hợp tác xã dịch vụ*

Mô hình này có các đặc trưng, bản chất:

1- Xã viên về cơ bản có hoạt động kinh tế giống nhau và cùng ở một địa bàn lãnh thổ xác định nhu cầu chung thể hiện trong một hoặc một số sản phẩm, dịch vụ nào đó trong hoạt động kinh tế của mình cần được thỏa mãn thông qua hợp tác xã với hiệu quả cao hơn so với từng xã viên tự đáp ứng.

2- Xã viên sau khi gia nhập hợp tác xã phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã theo phương thức bình đẳng trên thị trường, theo đó xã viên vừa là chủ sở hữu, vừa là khách hàng của hợp tác xã.

3- Phân phối lợi ích trong hợp tác xã được thực hiện trên cơ sở đóng góp của xã viên, trong đó có hai đóng góp chủ yếu là: đóng góp về vốn và đóng góp về việc sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã.

4- Tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động của hợp tác xã được coi là tài sản chung của các xã viên, hay nói cách khác là tài sản chung được sở hữu tư nhân bởi tất cả xã viên.

5- Hợp tác xã có thể cung ứng sản phẩm, dịch vụ từ bên ngoài cho xã viên thông qua hoạt động thương mại là chủ yếu, hoặc hợp tác xã có thể tự tổ chức sản xuất sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở hiệu quả mà phương án tổ chức hoạt động của hợp tác xã đã xác định.

** Mô hình hợp tác xã lao động*

Hợp tác xã lao động được thành lập từ nhu cầu chung về tạo và gìn giữ việc làm bền vững cho các xã viên với các đặc trưng bản chất sau đây:

1- Xã viên vừa là chủ sở hữu - góp vốn vào hợp tác xã, đồng thời là người lao động để tạo ra sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên thị trường, cạnh tranh một cách bình đẳng với mọi tác nhân trên thị trường.

2- Xã viên không bắt buộc phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã.

3- Tất cả xã viên là người lao động làm việc trong hợp tác xã.

3.2.2. Xây dựng mô hình hợp tác xã cấp trên cơ sở

Hợp tác xã cấp trên cơ sở (Liên đoàn kinh tế) là tổ chức tự chủ của các hợp tác xã thành viên (hợp tác xã cấp trên của hợp tác xã cấp cơ sở) nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của các thành viên một cách hiệu quả hơn so với cách thức từng hợp tác xã thành viên tự đáp ứng riêng lẻ và được tổ chức hoạt động theo các giá trị và nguyên tắc hợp tác xã.

3.3. Giải pháp chủ yếu phát triển hợp tác xã ở Việt Nam đến năm 2020

3.3.1. Các nhóm giải pháp chủ yếu

Luận án đưa ra 2 nhóm giải pháp chính:

a) Các nhóm giải pháp cấp bách

Các nhóm giải pháp cấp bách gồm có:

* *Hoàn thiện khung khổ pháp luật*: Rà soát, nghiên cứu, hoàn chỉnh hành lang pháp lý và hoàn thiện các giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, bao gồm:

- Nghiên cứu, ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật hợp tác xã.

- Rà soát, nghiên cứu, ban hành các văn bản liên quan đến phát triển kinh tế hợp tác xã.

- Rà soát, sửa đổi cơ chế, chính sách ưu đãi hợp tác xã.

* *Xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước về kinh tế tập thể*: Giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật đối với cán bộ, xã viên và người lao động trong khu vực kinh tế tập thể; tăng cường cơ quan chức năng đầu mối thống nhất quản lý nhà nước về hợp tác xã về tất cả các mặt trách nhiệm, quyền hạn, tổ chức và nhân sự, phương tiện làm việc để đưa công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể lên một tầm tương xứng với đường lối của Đảng, thúc đẩy khu vực thể chế hợp tác xã (kiểu mới) với vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

* *Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước*: Tăng cường tổ chức các khóa bồi dưỡng cho cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, kết hợp bồi dưỡng cán bộ cho các đoàn thể, hội và hiệp hội.

* *Tổng kết điển hình và xây dựng mô hình hợp tác xã*

* *Phát triển hợp tác quốc tế về kinh tế tập thể*: Chủ động tìm kiếm các đối tác, các tổ chức tài trợ nước ngoài nhằm hỗ trợ hợp tác xã trong quá trình hiện đại hóa và nâng cao năng lực hoạt động để hợp tác xã có thể cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh với các thành phần kinh tế khác.

b) *Các nhóm giải pháp cơ bản, lâu dài*

Các nhóm giải pháp cơ bản, lâu dài gồm có:

* *Chấn chỉnh lại nhận thức về hợp tác xã*: Khẩn trương chấn chỉnh lại nhận thức về hợp tác xã, tạo ra sự nhận thức đầy đủ, đúng đắn và

thống nhất về bản chất, mô hình hợp tác xã kiểu mới, làm rõ lợi thế, tiềm năng riêng có và lợi ích của mô hình hợp tác xã đối với xã viên, làm rõ sự khác biệt của nó với mô hình doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp, với mô hình các tổ chức xã hội, nhân đạo.

* *Đào tạo cơ bản về lý luận hợp tác xã*: Lập chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế tập thể.

* *Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản về lý luận hợp tác xã*: Phát triển nghiên cứu, lý luận hợp tác xã một cách khoa học, hệ thống, tạo điều kiện cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế tập thể nói riêng và chính sách phát triển nói chung một cách hiệu quả.

* *Hoàn thiện quy trình xây dựng Luật*: Khẩn trương nghiên cứu cải tiến quy trình xây dựng pháp luật của Nhà nước nhằm khắc phục nhược điểm: không đồng bộ về thời gian và nội dung, sự chậm trễ thi hành, sự thiếu nhất quán về nội dung.

* *Kết hợp vai trò hợp tác xã với hỗ trợ phát triển của nhà nước đối với cộng đồng xã viên hợp tác xã*.

3.3.2. Các kiến nghị

a) *Đối với cơ quan Trung ương*

- Khẩn trương kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể.

- Khẩn trương xây dựng, rà soát, nghiên cứu, hoàn chỉnh hành lang pháp lý và giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Tăng cường nghiên cứu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hướng dẫn phát triển kinh tế tập thể.

- Tích cực hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể thuộc ngành mình quản lý.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã thuộc ngành mình quản lý.

b) Đối với các địa phương

- Khẩn trương triển khai tổ chức bộ máy quản lý nhà nước chuyên trách về hợp tác xã tại địa phương; chỉ đạo triển khai thực hiện thống nhất phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã ở cấp huyện.

- Tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách phát triển kinh tế tập thể đã được ban hành. Gắn kết các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình kinh tế - xã hội trên địa bàn với chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

- Tổ chức nghiên cứu tổng kết tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, đề xuất kiến nghị cụ thể đối với các cấp có thẩm quyền về việc tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế tập thể.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã cho chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư một cách thiết thực.

Tiểu kết chương 3

Toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa thương mại trên quy mô toàn cầu một mặt đưa lại nhiều cơ hội phát triển, mặt khác cũng đặt ra nhiều thách thức to lớn cho chúng ta trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, xã hội cho đến văn hóa, dân số, môi trường sinh thái, khoa học công nghệ... Chúng ta buộc phải đối mặt với các thách thức ấy; nếu chúng ta chuẩn bị tốt năng lực chúng ta sẽ vượt qua các thách thức một cách thành công, nếu khác đi chúng ta sẽ thất bại. Một mặt, hợp tác xã có vai trò rõ rệt, không thể thiếu được trên các mặt kinh tế, xã hội và văn hóa, có tầm quan trọng trong phát triển một quốc gia; mặt khác, khuyến khích phát triển hợp tác xã là không dễ dàng, đòi hỏi nỗ lực của toàn xã hội, mà trước hết là các nhà lãnh đạo chính trị và sự bền bỉ trải qua từ thế hệ này sang các thế hệ kế tiếp. Phát triển hợp tác xã kiểu mới đòi hỏi đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà

nước đối với hợp tác xã. Với ý nghĩa quan trọng lâu dài của tổ chức hợp tác xã, cần đưa phát triển hợp tác xã là một trọng tâm trong công tác lý luận và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng. Phát triển hợp tác xã trong tình hình mới trước hết đòi hỏi chúng ta phải có được những định hướng đúng đắn trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của quốc tế, từ đó xây dựng nên mô hình phát triển hợp tác xã cho phù hợp với tình hình thực tiễn ở Việt Nam. Những giải pháp được đề xuất trong chương này hi vọng sẽ đóng góp một phần nào đó đối với sự phát triển của các hợp tác xã nói riêng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung của đất nước. Hợp tác xã không chỉ có vai trò kinh tế mà còn có vai trò quan trọng về chính trị, xã hội và văn hóa, góp phần phát triển bền vững đất nước. Trong tương lai, hợp tác xã kiểu mới sẽ phát huy tiềm năng của mình, góp phần xứng đáng và toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội trong phát triển đất nước trong bối cảnh cạnh tranh phát triển ngày càng gay gắt của thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

KẾT LUẬN

Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam là chủ đề lớn và phức tạp cả về lý luận kinh tế cũng như thực tiễn phát triển. Trong khuôn khổ luận án này có thể rút ra một số kết luận chủ yếu sau đây:

1. Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử ra đời của tổ chức (phân công lao động xã hội và yêu cầu hợp tác), quan điểm quốc tế, Mác - Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng ta về hợp tác xã, luận án khẳng định: Hợp tác xã (kiểu mới) là hình thức tổ chức kinh tế tất yếu, nếu đi đúng hướng sẽ đóng vai trò tích cực trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam.

2. Hợp tác xã (kiểu mới) cần phải thực hiện theo đúng bản chất: "Hợp tác xã là hiệp hội tự chủ của các cá nhân liên kết với nhau một cách

tự nguyện nhằm đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ", và phải nắm vững các nguyên tắc tự nguyện, quản lý dân chủ và bình đẳng, hợp tác phải được tiến hành từng bước đa dạng về loại hình với nhiều cấp độ khác nhau không bao trùm nội dung hoạt động của các thành viên, của kinh tế hộ; chia lãi kết hợp bảo đảm lợi ích của các thành viên và sự phát triển hợp tác xã; hợp tác xã gắn với sự phát triển cộng đồng.

3. Hợp tác xã ra đời phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của kinh tế hộ, của các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế, không thủ tiêu hoặc làm tổn thương đến tính độc lập của các chủ thể kinh tế, mà trái lại phải làm tăng tính độc lập, tự chủ, sức cạnh tranh của các thành viên trong quá trình tham gia hợp tác xã. Khi quá trình công nghiệp hóa còn chưa phát triển thì nhu cầu hợp tác chưa cao. Quá trình công nghiệp hóa càng phát triển, sẽ càng tạo nên nhu cầu và điều kiện để phát triển tổ chức hợp tác xã.

4. Phân tích đánh giá thực trạng hợp tác xã (kiểu cũ), cũng như các hợp tác xã (kiểu mới) trong thời gian vừa qua, luận án khẳng định: Hệ thống các hợp tác xã kiểu cũ là sản phẩm của ý chí chủ quan, tuy đạt được một số thành tựu nhất định trong việc phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, đặc biệt có đóng góp to lớn trong giai đoạn đất nước chiến tranh, song xét ở góc độ phát triển kinh tế thì hệ thống hợp tác xã (kiểu cũ) có nhiều khuyết tật. Bước sang thời kỳ đổi mới, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường thì hệ thống hợp tác xã kiểu cũ không còn phù hợp.

5. Đánh giá vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã hội và các biện pháp đã thực thi đến năm 2008 ở Việt nam, luận án khẳng định: Đến nay, khu vực hợp tác xã vẫn trong tình trạng trì trệ và tiếp tục suy thoái nếu không có giải pháp hiệu hiệu, kịp thời; hợp tác xã theo quy định các Luật hợp tác xã năm 1996 và 2003 chưa thoát khỏi tư duy

cũ, đồng thời lẫn lộn với mô hình doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp; nhận thức về bản chất hợp tác xã chưa theo chuẩn mực quốc tế và chưa thống nhất trong Đảng, Nhà nước và trong nhân dân. Đây là nguyên nhân dẫn đến hợp tác xã chưa thể phát triển hiệu quả, nhân dân chưa hưởng ứng, mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực của Đảng, Nhà nước.

6. Trên cơ sở dự báo những thách thức và triển vọng phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam, luận án đã góp phần làm rõ định hướng phát triển hợp tác xã đến năm 2020; lựa chọn sáu lĩnh vực chủ yếu để phát triển, bao gồm: Nông nghiệp, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, tín dụng, xây dựng, vận tải; đề xuất các giải pháp cơ bản như: nâng cao nhận thức về hợp tác xã, hoàn thiện khung khổ pháp luật và cơ chế chính sách đối với hợp tác xã đặt trong bối cảnh công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam.